TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 45, 04/11 – 08/11/2024

Ông Trump tái đắc cử – Chứng khoán Việt Nam phân hóa mạnh

Tiêu điểm:

- Ông Donald Trump chính thức đắc cử tổng thống với 312 phiếu đại cử tri
- Ngày 8/11, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm áp dụng trong ngày ở mức 24.278 VND/USD, giảm 5 VND so với cuối tuần trước. Chỉ số DXY bất ngờ biến động mạnh, leo lên vượt 105 điểm – mức cao nhất trong gần bốn tháng trở lại.
- Ngày 7/11, Fed quyết định tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ. Theo đó, lãi suất tham chiếu của Mỹ về 4.5-4.75%, tức hạ 25 điểm cơ bản (0.25%).

Đánh giá: Thị trường Mỹ tuần qua đã công bố khá nhiều những tin tức quan trọng và có thể tạo ra thay đổi lớn tác động đến vĩ mô toàn cầu. Cụ thể, việc ông Trump đắc cử tổng thống sẽ có nhiều tác động trái chiều đến Việt Nam. Điểm lợi: Việt Nam sẽ gia tăng thị phần xuất khẩu vào Mỹ khi các mặt hàng Trung Quốc bị đánh thuế cao hơn (dệt may, đồ gỗ, thủy sản, thiết bị điện tử,…), sự dịch chuyển dòng vốn FDI của các quốc gia khác từ Trung Quốc vào Việt Nam. Tiêu cực: GDP ghi nhận giảm do ảnh hưởng của thuế quan cao, hàng giá rẻ Trung Quốc sẽ tràn qua Việt Nam, và tỷ giá tăng mạnh.

Góc nhìn kĩ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,252.56 (-2.33 điểm;-0.19%), thanh khoản thấp với sự phân hóa của nhiều nhóm cổ phiếu lớn. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trong suốt tuần qua. Hiện thị trường đang giao dịch trong biên độ 1,240 – 1,300 và thiếu đi sự dẫn dắt và đồng thuận của nhóm vốn hóa lớn.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư nên thận trọng hơn trong giai đoạn này khi sự phân hóa sẽ diễn ra mạnh mẽ trong thời gian tới. Ưu tiên nắm giữ với nhóm khu công nghiệp và xuất khẩu (tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ cao), hưởng lợi từ kết quả bầu cử Mỹ. Về điểm mua mới, nhà đầu tư nên chờ đợi thị trường điều chỉnh và bật tăng tại vùng hỗ trợ 1,240.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,253	-0.2	-1.5	3.7	10.9		14.8	1.7	205
Upcom Index	92	0.2	-0.3	0.0	5.9		12.6	1.3	60
HNX Index	227	0.7	-2.0	0.1	-1.8		17.4	1.2	12
VN30 Index	1,317	-0.6	-1.6	6.0	16.4		11.6	1.6	143
S&P 500 Index	5,973	4.3	3.9	12.3	25.2		27.1	5.1	52,404
STOXX Europe 600 Index	510	-0.2	-1.3	2.7	6.4		14.9	2.0	14,290
Hang Seng	20,728	1.1	-0.9	22.7	21.6		11.2	1.2	3,065
Nikkei 225	39,500	3.8	1.4	13.4	18.0		23.6	2.0	4,654
SHCOMP Index	3,452	5.5	-1.1	20.3	16.0			0.0	7,491
STI Index	3,730	4.9	4.3	14.4	15.1		12.9	1.3	420
KOSPI Index	2,561	0.7	-1.3	0.2	-3.5		13.2	0.9	1,463

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 5808 7603
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	3M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Thay đổi GTGD YTD	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-0.3	-1.6	3.2	13.9	1.6	-14.6	-16.2	-28.8	82.1	-1.5	12.9	1.7	4,575,636
Mid Cap	0.8	1.0	1.2	12.4	12.5	-0.6	-9.3	-40.5	16.9	1.4	16.5	1.2	513,615
Small Cap	0.6	-0.9	-2.3	-7.3	14.8	13.3	-4.0	-49.3	1.0	0.1	-9401.0	0.8	62,343

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Thay đổi GTGD YTD	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Du lịch và Giải trí	4.5	8.9	13.0	27.0	3.6	13.2	26.3	0.0	1.5	0.0	20.2	11.1	122,585
Bảo hiểm	2.9	3.8	1.1	11.9	37.1	-1.1	-31.4	-53.0	0.2	0.0	13.9	1.4	45,593
Ô tô & Phụ tùng	2.8	-0.1	-5.9	2.9	19.6	-2.3	1.9	-36.9	0.4	0.1	14.9	1.1	15,031
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	2.6	3.7	9.0	31.8	18.0	17.6	20.0	-33.6	5.7	0.7	16.9	1.4	166,614
Truyền thông	2.6	16.4	17.0	-9.6	-10.5	12.4	83.4	52.0	0.2	0.0	19.9	1.2	1,934
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.6	1.1	-0.2	14.9	26.1	42.7	-2.0	-15.2	2.0	0.4	13.8	1.9	61,290
Tài nguyên cơ bản	1.5	-0.3	2.4	3.5	19.2	-12.3	-24.4	-43.7	5.7	0.8	16.5	1.4	217,362
Công nghệ Thông tin	1.1	2.5	7.6	58.7	55.6	-2.4	-6.0	-21.6	4.0	1.3	27.2	4.8	217,809
Hóa chất	1.1	-4.8	0.8	33.2	-2.3	-13.8	-33.1	-48.8	3.8	-0.2	22.1	3.8	234,630
Tài chính	1.0	-2.1	5.6	11.3	6.9	-24.2	-33.8	-49.8	9.9	0.3	18.5	1.4	201,667
Xây dựng và vật liệu	0.9	0.4	4.7	-1.2	13.5	7.0	-1.0	-38.9	4.4	0.4	18.2	1.2	123,365
Bất động sản	0.0	-0.4	2.9	-4.8	6.1	8.3	1.1	-18.5	22.3	0.6	17.0	1.0	713,247
Tiện ích	-0.4	-3.5	-10.1	-1.1	11.9	-8.0	-38.8	-54.1	1.1	0.1	18.6	1.9	293,932
Thực phẩm và đồ uống	-0.5	-2.5	-3.7	0.7	-5.0	-10.6	-7.9	-25.5	9.3	-0.8	19.7	2.2	424,264
Dược và Y tế	-0.8	-2.1	1.9	11.3	-20.2	-28.8	-26.0	-14.6	0.3	-0.1	6.9	2.2	38,351
Bán lẻ	-0.9	-1.1	-1.3	44.7	-6.7	-11.9	-7.1	-15.0	5.6	-0.6	35.3	3.6	134,667
Ngân hàng	-1.3	-1.9	6.2	19.8	-8.3	-31.5	-24.3	-27.9	22.9	-2.9	9.3	1.6	2,060,436
Dầu khí	-1.3	-10.0	-14.1	9.2	11.7	-27.2	-39.9	-51.6	0.8	0.1	21.6	2.3	65,062

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,623**	-44.8	-81.1	-222.3	-856.1
Nước ngoài	**1,727**	-44.8	-76.5	-192.1	-579.7
VanEck Vectors Vietnam ETF	464	-6.6	-10.2	-21.4	44.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	607	-1.1	-9.0	-69.7	-146.6
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	202	-1.4	-11.0	-40.1	-422.6
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	270	-1.7	-9.5	-8.5	5.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	166	-34.0	-34.0	-49.7	-50.7
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	0.0	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	3	0.0	-2.7	-2.7	-3.1
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**896**	0.0	-4.7	-30.2	-276.4
DCVFMVN Diamond ETF	557	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	280	0.0	0.9	-22.3	-111.2
SSIAM VNFIN LEAD ETF	18	0.0	-5.6	-8.5	-163.6
MAFN VN30 ETF	25	0.0	0.0	-0.1	-2.3
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	0.0	-2.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	7	0.0	0.0	0.7	3.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	96,396	70,179	52,200
Ấn độ	-1,190	-1,190	-12,135	-1,101
Indonesia	-145	-153	-872	2,378
Nhật Bản*	911	911	17,521	11,520
Maylaysia	-65	-81	-494	313
Hàn Quốc	49	-5	-3,409	7,153
Sri Lanka	1	1	0	-20
Đài Loan	-69	-762	368	-12,973
Thái Lan	-59	-131	-977	-3,557
Việt Nam	-90	-103	-498	-2,723

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

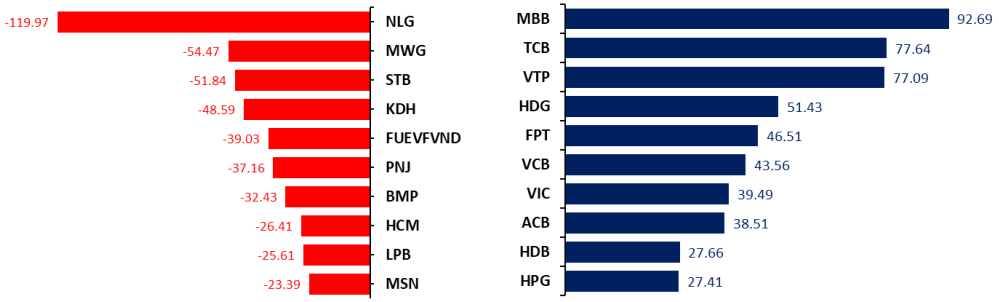
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

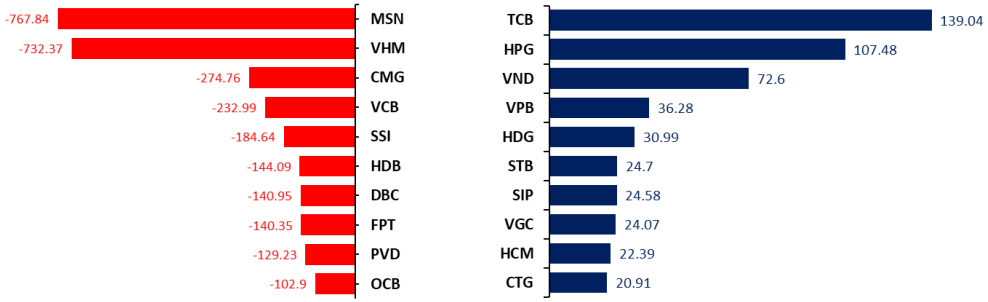
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-100	-807	-668	1,475
Tài nguyên Cơ bản	39	45	-99	54
Truyền thông	0	1	-3	1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55	-54	-169	223
Y tế	0	2	0	-2
Hóa chất	28	-120	169	-49
Dịch vụ tài chính	-73	-116	123	-7
Du lịch và Giải trí	16	-5	-12	18
Ngân hàng	218	82	319	-400
Xây dựng và Vật liệu	-31	-131	139	-9
Thực phẩm và đồ uống	25	-771	772	0
Bán lẻ	-59	-40	-958	998
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	20	-27	83	-57
Hàng cá nhân & Gia dụng	-31	25	-7	-18
Công nghệ Thông tin	55	-257	211	46
Ô tô và phụ tùng	-21	-18	47	-29
Bảo hiểm	1	-2	-9	11
Dầu khí	1	-108	128	-20
Tổng	146	-2,300	65	2,235

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SC5	Xây dựng và Vật liệu	16.40 - 24.35	19.2	-15.8%
2	DTL	Tài nguyên Cơ bản	10.65 - 19.00	10.7	-13.4%
3	FIR	Bất động sản	4.65 - 23.30	4.7	-13.3%
4	OGC	Dịch vụ tài chính	3.50 - 8.40	4.1	-7.9%
5	L10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.55 - 25.80	22.1	-7.4%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
29.6%	31.1	8.17 - 31.25	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	TTE
22.7%	108.7	65.00 - 109.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VTP
21.3%	27.3	19.05 - 28.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	SFC
16.9%	20.8	8.37 - 20.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TCO
15.5%	27.3	45.55 - 64.50	Hàng cá nhân & Gia dụng	TLG

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ATS	Du lịch và Giải trí	7.60 - 22.90	14.4	-20.0%
2	VE8	Xây dựng và Vật liệu	4.10 - 6.50	4.5	-16.7%
3	TKU	Tài nguyên Cơ bản	9.50 - 19.30	15.0	-14.3%
4	GKM	Xây dựng và Vật liệu	5.70 - 42.00	5.8	-10.8%
5	TTL	Xây dựng và Vật liệu	7.00 - 9.80	7.2	-10.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
38.3%	130.0	36.00 - 130.00	Tài nguyên Cơ bản	HGM
31.7%	39.5	18.00 - 40.80	Xây dựng và Vật liệu	L40
30.9%	29.2	18.20 - 30.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HTC
28.8%	8.5	5.70 - 8.50	Tài nguyên Cơ bản	MEL
23.0%	15.0	10.00 - 24.00	Công nghệ Thông tin	VLA

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VXT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.20 - 21.00	10.2	-34.2%
2	SPB	Hàng cá nhân & Gia dụng	13.80 - 26.40	17.7	-25.9%
3	PCM	Xây dựng và Vật liệu	10.20 - 18.80	12.5	-24.2%
4	VBH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.10 - 25.00	10.0	-18.7%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	16.00 - 23.00	16.8	-18.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
83.3%	22.0	12.00 - 22.00	Hàng cá nhân & Gia dụng	VDT
60.3%	80.0	23.50 - 156.00	Truyền thông	IN4
51.1%	20.4	13.50 - 30.00	Truyền thông	VIM
40.5%	29.5	7.70 - 32.40	Truyền thông	SAP
39.1%	8.9	5.10 - 20.00	Du lịch và Giải trí	DXL

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	SIP	Đầu tư Sài Gòn VRG	Bất động sản	48,565.9	364.1	81.2	3.65 - 5.73	7.3
2	TLG	Tập đoàn Thiên Long	Hàng cá nhân & Gia dụng	22,348.6	294.5	64.0	45.55 - 64.50	15.5
3	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	Bất động sản	223,747.9	262.2	28.8	24.20 - 36.30	9.3
4	TTA	XD và PT Trường Thành	Xây dựng và Vật liệu	8,257.4	228.9	10.4	7.58 - 11.75	5.1
5	CMG	Tập đoàn Công nghệ CMC	Công nghệ Thông tin	91,670.1	207.6	53.7	36.13 - 74.60	6.1
6	TCL	Tan Cang Logistics	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	603.5	120.7	35.0	33.75 - 41.00	0.4
7	MSH	May Sông Hồng	Hàng cá nhân & Gia dụng	9,608.1	116.3	50.8	35.20 - 54.00	6.1
8	ELC	ELCOM	Công nghệ Thông tin	21,458.8	115.9	26.4	16.43 - 30.50	5.0
9	ANV	Thủy sản Nam Việt	Thực phẩm và đồ uống	44,798.0	114.4	18.2	13.85 - 18.50	9.8
10	SZC	Sonadezi Châu Đức	Bất động sản	116,177.5	107.8	42.6	28.65 - 46.50	11.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

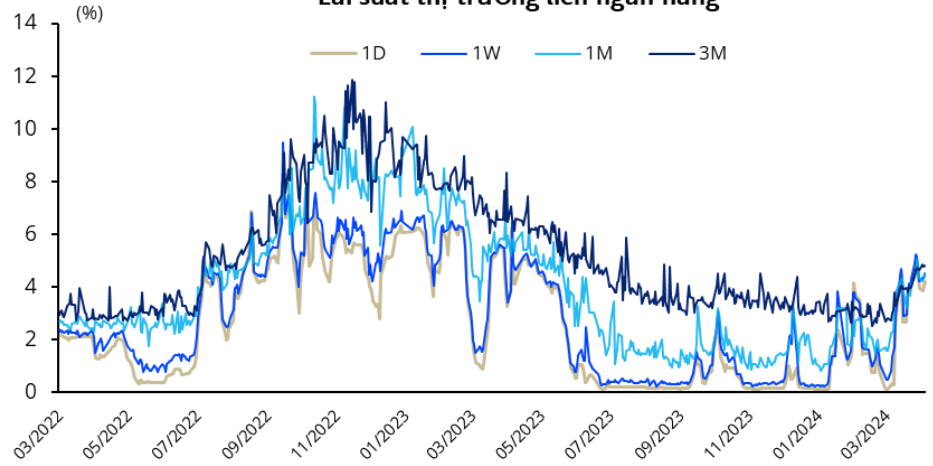
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	104.58	0.3	2.0	1.3	3.2	
VND/USD	25,302	0.0	1.9	0.6	4.3	
KRW/USD	1,386.95	0.6	3.0	0.7	7.7	
JPY/USD	152.53	-0.3	2.9	3.6	8.1	
EUR/USD	0.93	0.5	1.9	1.3	2.4	
SGD/USD	1.32	-0.3	1.4	-0.3	0.1	
CNY/USD	7.16	0.5	1.4	-0.2	0.9	

Hàng hóa

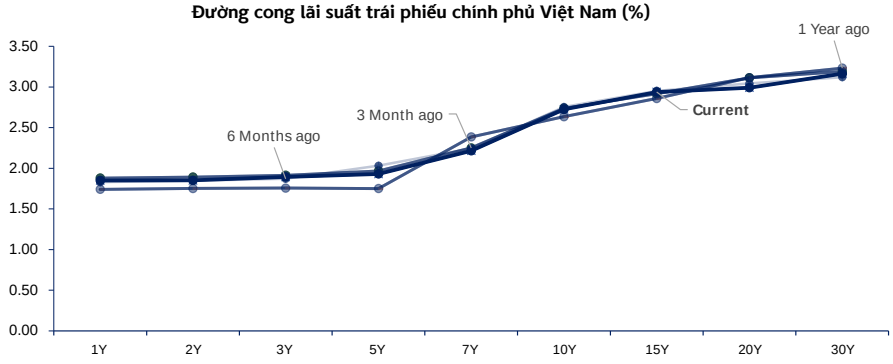
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	71.47	2.8	-2.9	-6.2	-0.3	
Xăng	203.20	3.3	-1.7	-15.3	-3.4	
Gas	2.70	1.4	-1.2	27.0	7.4	
Than	142.20	-1.3	-4.2	-1.9	-2.9	
Vàng	2,690.29	-1.7	2.6	10.8	30.4	
Bạc	31.53	-3.0	2.8	14.5	32.5	
Platinum	989.33	-0.7	3.3	5.6	-0.3	
Quặng sắt	105.22	1.4	-6.4	3.5	-22.8	
Thép cán	3,603.00	1.2	-4.2	5.1	-11.6	
Lúa mì	569.50	0.3	-4.2	6.0	-9.3	
Ngô	427.50	3.1	1.6	12.7	-9.3	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.85	1.85	1.89	1.93	2.22	2.73	2.94	2.92	2.95
Thay đổi (WoW)	0.40	-0.60	1.90	2.00	2.10	2.60	4.10	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

08/11/2024 3:00 PM

ĐVT: nghìn đồng

Cổ phiếu khuyến nghị trong tuần

	Khuyến nghị *	Vùng mua/bán	Target	Cut loss	Upside	Downside	Giá hiện tại	Tín hiệu	Ghi chú
PTB	Mua	63 - 64.2	73.0	61.7	14%	-4%	64.7	Đà tăng mạnh + thanh khoản cải thiện đáng kể	

Danh mục đang nắm giữ ngắn hạn

Cổ phiếu	Khuyến nghị	Giá mua	Giá mục tiêu	Stop loss	Upside	Downside	Giá hiện tại	T+	Lãi/Lỗ	Ngày	Ghi chú
HPG	Giữ	27.15	29.9	26.0	10%	-4%	27.0	15	-0.55%	18/10/2024	
HAH	Giữ	42.5	46.5	40.4	9%	-5%	45.8	15	7.76%	18/10/2024	
VHC	Giữ	73.2	80.1	69.3	9%	-5%	74.6	13	1.91%	22/10/2024	
CTD	Giữ	67.2	76.0	64.0	13%	-5%	69.7	9	3.72%	28/10/2024	

Lưu ý: Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành. Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư. Xin vui lòng xem thêm chi tiết phần Thông báo tuân thủ và Miễn trừ trách nhiệm ở cuối báo cáo này.

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co,. Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.